

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚC LINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚC LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC LINH CORPORATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110528949

3. Ngày thành lập: 02/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 28 – TT4, đường Foresa 4, Khu đô thị Tasaco Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0569998889

Fax:

Email: info.phuclinhgroup@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm)	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại trừ bán buôn các loại động vật nhà nước cấm kinh doanh)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ: Bán buôn dược phẩm	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (loại trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Bán buôn dược phẩm	4669
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Dịch vụ đóng gói	8292
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh	8299

31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư	6810
32.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820(Chính)
33.	Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ: hoạt động tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán)	7020
34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp; Thiết kế cơ- điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; - Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình; - Giám sát công tác xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; - Quản lý dự án dân dụng; Quản lý dự án giao thông; Quản lý dự án hạ tầng kỹ thuật; Quản lý dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Tư vấn quản lý dự án	7110
35.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không)	7310
36.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
38.	Cho thuê xe có động cơ	7710
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4690

40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc Lào)	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4719
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bia, rượu)	4723
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
47.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
48.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
49.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
50.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
51.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
52.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
53.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
54.	Sản xuất đường	1072
55.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
56.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
57.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
58.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
59.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
60.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
61.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
62.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
63.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
64.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
65.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
66.	Sản xuất giày, dép	1520
67.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
68.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc Lào)	4781
70.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
71.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783

72.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
74.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động đấu giá	4799
75.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
76.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
78.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyển; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; - Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông;	5021
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Loại trừ dịch vụ hoa tiêu	5222
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ: Kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga hành khách tại cảng hàng không, sân bay; Kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa tại cảng hàng không, sân bay; Kinh doanh dịch vụ cung cấp xăng dầu tại cảng hàng không, sân bay)	5229
82.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
83.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
84.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
85.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ cho thuê máy bay)	7730
87.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
88.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
89.	Xây dựng nhà ở	4101

90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
92.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
93.	Xây dựng công trình điện	4221
94.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
95.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
96.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
97.	Xây dựng công trình thủy	4291
98.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
99.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
100.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Không bao gồm chia tách đất và cải tạo đất)	4299
101.	Phá dỡ (Loại trừ: Nổ mìn)	4311
102.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
103.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
105.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
106.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
107.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
108.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
109.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
110.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4761
111.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4762
112.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

113.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng)	4764
114.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
115.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
116.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: - Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; - Bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn; - Bán lẻ tem và tiền kim khí; - Kinh doanh vàng miếng	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH BÌNH	Số 28 – TT4, đường Foresa 4, Khu đô thị Tasaco Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	90,000	0340900201 24	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	90,000		
2	LÊ VĂN THANH	Thôn Khê Ngoại 2, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	0010840360 87	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		

3	DƯƠNG THỊ THU HẰNG	Số 101 Phố Dương Văn Bé, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	001175001264
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034090020124

Ngày cấp: 30/05/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hà Gạo, Xã Hồng An, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 28 – TT4, đường Foresa 4, Khu đô thị Tasaco Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội